

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2023/DS-PT
Ngày: 17/3/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Ông Lại Huỳnh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Huỳnh Thiện - Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 609/2022/TLPT-DS ngày 23/12/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 261/2022/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận E bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2023/QĐPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 1824/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A;

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà B Số 72 Đường C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Bảo F, sinh năm 1998. Địa chỉ: Lầu 4, 24B Đường G, phường H, Quận I, TP.HCM. (Giấy ủy quyền số 60/2022/EIB/UQ – TGD ngày 14/6/2022 và Giấy ủy quyền số 1039/2022/EIBA/UQ – TGD ngày 23/6/2022). (Có mặt).

Bị đơn: Ông Diệp Minh J, sinh năm: 1960 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 87 Đường K, phường L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hồng M, sinh năm 1987 và/hoặc ông Phạm Hoàng N, sinh năm 1995; Cùng địa chỉ: (Lầu 9) số 86 Đường O, Phường P, Quận Q, TP.HCM. (Giấy ủy quyền lập ngày 16/10/2019 tại Văn phòng Công chứng; số công chứng 007138, quyền số 10 TP/CC – SCC/HĐGD). (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Thu S, sinh năm: 1968 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 71 Đường T, phường L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Xuân U, sinh năm: 1951 (Có mặt);

3. Bà Hoàng Thị V, sinh năm: 1957 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 63 đường X, khu phố Y, phường A1, quận B1, TP.HCM.

4. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1989 (Vắng mặt);

5. Bà Lương Thị D1, sinh năm: 1990 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 504/30 đường E1, Phường F1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Trương Công G1, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt);

7. Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1990 (Xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 71 (Tầng 1+2) Đường T, phường L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Trẻ Trương Nhã I1, sinh ngày 03/11/2015;

9. Trẻ Trương Nhã J1, sinh ngày 19/10/2019;

Người đại diện hợp pháp của trẻ Nhã I1, Nhã J1: Ông Trương Công G1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H1. Cùng địa chỉ: 71 (Tầng 1+2) Đường T, phường L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt).

10. Công ty TNHH MTV Dịch vụ K1;

Địa chỉ: Tầng 1 số 71 Đường T, phường L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của công ty: Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1990 – Giám đốc Công ty. Địa chỉ: 108/11 Đường L1, phường M1, quận N1, TP.HCM (Xin vắng mặt).

11. Bà Phan Thị Thanh O1, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 87 Đường T, phường L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là ngân hàng hoặc P1) trình bày:

P1 cho ông Diệp Minh J vay theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 1403-LAV-200800073 ngày 25/04/2008; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1403 – LDS – 200800088 ngày 26/4/2008; Biên bản sửa đổi, bổ sung ngày 15/02/2012; Biên bản sửa đổi, bổ sung ngày 04/01/2013; tài sản vay là 1.580 chỉ vàng SJC; thời hạn vay đến ngày 31/03/2013; lãi suất cho vay là 7%/năm, được cố định trong thời hạn 12 tháng, từ năm thứ hai trở đi được thay đổi mỗi năm một lần theo nguyên tắc: lãi suất tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ theo Biểu lãi suất công bố của P1 tại thời điểm thay đổi cộng biên độ 4,2%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 71 (tầng 1 + 2) Đường T, phường L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên ông Diệp Minh J và bà Lê Thị Thu S; theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 38/EIBQ7-TDTH/TSTC/08, số công chứng: 016125, quyền số 4TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/04/2008 tại Phòng Công chứng số 1 Tp. Hồ Chí Minh; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Sở tài nguyên và Môi trường Tp. HCM ngày 25/04/2008.

Hợp đồng tín dụng số 1403-LAV-201101012 ngày 11/11/2011; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1403-LDS-201101704 ngày 11/11/2011; Biên bản sửa đổi, bổ sung ngày 15/02/2012; Biên bản sửa đổi, bổ sung ngày 04/01/2013; số tiền vay là 1.200.000.000 đồng; mục đích vay: góp vốn vào Công ty TNHH DV-ĐT Kinh doanh địa ốc Q1; thời hạn vay là đến ngày 31/3/2013; lãi suất cho vay: 22.3%/năm, được cố định trong thời hạn 01 tháng, thay đổi 01 tháng 01 lần theo Biểu lãi suất công bố của P1 tại thời điểm thay đổi; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 288/29 Khu phố R1, TT S1, huyện T1 (nay là Phường F1, quận B1) đứng tên ông Nguyễn Xuân U và bà Hoàng Thị V; theo Hợp đồng thế chấp số 146/11/EIBQ7-KHCN/TSTC, số công chứng: 21790, quyền số 11TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/11/2011 tại Phòng Công chứng số 7 Tp. Hồ Chí Minh; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng tài nguyên và Môi trường quận B1 ngày 11/11/2011.

Do ông Diệp Minh J vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chỉ thanh toán được 770,53 chỉ vàng SJC (gốc là 448,8 chỉ vàng SJC, lãi là 321,73 chỉ vàng SJC) và

272.638.470 đồng (gốc là 100.000.000 đồng, lãi là 172.638.470 đồng), các khoản vay đã quá hạn từ ngày 01/04/2013, nên P1 yêu cầu:

Buộc ông J phải thanh toán các khoản nợ gốc và lãi của các hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 11/8/2022 là 3.274.750.417 đồng (gốc là 1.100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 153.101.667 đồng, lãi quá hạn là 2.021.648.750 đồng) và 1.729,59 chỉ vàng SJC (gốc là 1.131,20 chỉ vàng SJC, lãi trong hạn là 263,87 chỉ vàng SJC, lãi quá hạn là 334,52 chỉ vàng SJC; quy đổi theo tỷ giá ngày 11/8/2022 là 6.700.000 đồng/chỉ vàng SJC), tổng cộng là 14.863.003.417 đồng.

Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 12/8/2022 cho đến khi ông J trả xong nợ cho P1, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông J không trả nợ hoặc trả không đủ thì P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp nêu trên để trả nợ. Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không thu hồi đủ nợ thì ông J có nghĩa vụ thanh toán cho P1 cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn Diệp Minh J có người đại diện hợp pháp là ông Phạm Hoàng N trình bày: Đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết yêu cầu của nguyên đơn. Do bận công việc nên ông đề nghị vắng mặt trong tất cả các phiên xử của Tòa án nhân dân các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có:

Ông Trương Công G1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 với tư cách cá nhân và là người đại diện theo pháp luật của 02 con chung là Trương Nhã I1 và Trương Nhã J1; bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đồng thời với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Dịch vụ K1 thống nhất trình bày:

Ông bà đăng ký kết hôn ngày 01/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã U1, huyện V1, Tp. Hồ Chí Minh. Ông bà có 02 con chung là Trương Nhã I1 sinh ngày 3/11/2015 và Trương Nhã J1 sinh ngày 19/10/2019. Ông bà thuê căn nhà 71 (tầng 1+2) Đường T, Phường L, Quận E, Tp. Hồ Chí Minh từ năm 2014 (nhận nhà từ ngày 24/12/2014) của vợ chồng ông Diệp Minh J – bà Phan Thị Thanh O1; giá thuê là 12.000.000 đồng/tháng; đặt cọc 2 tháng tiền thuê là 24.000.000 đồng; mục đích thuê là để Công ty TNHH MTV Dịch vụ K1 hoạt động kinh doanh dịch vụ photocopy; hợp đồng thuê là do bà H1 và bà O1 trực tiếp ký. Ngày 5 tháng 01 năm 2018, bà H1 và bà O1 ký lại Hợp đồng thuê nhà; giá thuê nhà là 23.000.000 đồng/tháng; thời hạn thuê là 03 năm từ ngày 5/1/2018 đến ngày 5/1/2021; các điều khoản khác của hợp đồng thuê nhà trước đó không thay đổi. Vì tin tưởng nên ông bà thuê nhà chứ bà O1 – ông J không đưa giấy chủ quyền nhà cho ông bà xem. Trong thời gian thuê nhà, ông bà cũng

như Công ty TNHH MTV Dịch vụ K1 không xây dựng, sửa chữa nhà thuê. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông bà không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông bà yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án nhân dân Quận E, Tòa án cấp phúc thẩm và các Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết vụ án, bao gồm các phiên họp, phiên xét xử cũng như khi Tòa án tiến hành các hoạt động tố tụng khác.

Bà Lê Thị Thu S, bà Phan Thị Thanh O1, bà Hoàng Thị V, ông Nguyễn Văn C1, bà Lương Thị D1 không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập; vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các phiên tòa, dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo về tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa.

Ông Nguyễn Xuân U trình bày:

Tài sản 289/29 (số mới là 504/30) Đường X1, Phường F1, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh do ông và bà Hoàng Thị V làm chủ, được đem bảo lãnh tại P1 cho ông Diệp Minh J vay vốn. Qua trao đổi với ông J, ông được biết ông J đang thu xếp tiền để trả toán khoản vay. Ông đề nghị Tòa án tạo điều kiện để ông J trả toán khoản vay, rút tài sản thế chấp trả cho vợ chồng ông. Do tuổi cao và có bệnh, ông đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bản án sơ thẩm số 261/2022/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc ông Diệp Minh J thanh toán cho Ngân hàng TMCP A nợ gốc và lãi tính đến ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Hợp đồng tín dụng số 1403-LAV-200800073 ngày 25/04/2008, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1403 – LDS – 200800088 ngày 26/4/2008, Biên bản sửa đổi, bổ sung ngày 15/02/2012, Biên bản sửa đổi, bổ sung ngày 04/01/2013, là 1.729,59 chỉ vàng SJC, gồm nợ gốc: là 1.131,20 chỉ vàng SJC, lãi trong hạn là 263,87 chỉ vàng SJC, lãi quá hạn là 334,52 chỉ vàng SJC; quy đổi theo tỷ giá ngày 11/8/2022 là 6.700.000 đồng/chỉ vàng SJC), tổng cộng là 11.588.253.000 đồng.

Kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2022, ông Diệp Minh J còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên, cho đến khi thanh toán

xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng nêu trên các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP A thì lãi suất mà ông Diệp Minh J phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP A.

Trường hợp khoản tiền vốn và lãi còn nợ được thanh toán đủ thì Ngân hàng TMCP A phải trả lại cho ông Diệp Minh J và bà Lê Thị Thu S bản chính của các giấy tờ liên quan đến nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 71 (tầng 1 + 2) Đường T, phường L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh:

Đối với nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 71 (tầng 1) Đường T, Phường L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, gồm:

- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2950/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/4/2000, cập nhật thay đổi ngày 10/5/2000;

- + Tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất ngày 28/02/2000;

- + Tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất ngày 03/05/2000;

- + Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở do Phòng Công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 24/4/2000.

Đối với nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 71 (tầng 2) Đường T, Phường L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, gồm:

- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 22936/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2001, cập nhật thay đổi ngày 15/11/2001;

- + Tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất ngày 7/09/2001;

- + Tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất ngày 7/11/2001;

- + Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở do Phòng Công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 05/11/2001, số công chứng 16291/HĐ – MBN.

Trường hợp ông Diệp Minh J không thanh toán hoặc thanh toán không đủ, không đúng hạn khoản tiền vốn và lãi còn nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 71 (tầng 1 + 2) Đường T, phường L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

- Buộc ông Diệp Minh J phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tiền vốn và lãi còn nợ tính đến ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Hợp đồng tín dụng số

1403-LAV-201101012 ngày 11/11/2011; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1403-LDS-201101704 ngày 11/11/2011; Biên bản sửa đổi, bổ sung ngày 15/02/2012; Biên bản sửa đổi, bổ sung ngày 04/01/2013, là 3.274.750.417 đồng, gồm: nợ gốc là 1.100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 153.101.667 đồng, lãi quá hạn là 2.021.648.750 đồng.

Kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2022, ông Diệp Minh J còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng nêu trên các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP A thì lãi suất mà ông Diệp Minh J phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP A.

Trường hợp khoản tiền vốn và lãi còn nợ được thanh toán đủ thì Ngân hàng TMCP A phải trả lại cho ông Nguyễn Xuân U và bà Hoàng Thị V bản chính của các giấy tờ liên quan đến nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 288/29 Khu phố R1, TT S1, huyện T1 (nay là Phường F1, quận B1), gồm:

- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 15021/99 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/12/1999, cập nhật biến động ngày 27/11/2000;
- + Giấy phép xây dựng số 14/GP – UB do Ủy ban nhân dân huyện T1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2001;
- + Bản vẽ xin phép xây dựng nhà số 288/29 Khu phố R1, thị trấn S1, huyện T1 do Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Y1 lập;
- + Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 13/11/2000;
- + Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng nhà lập ngày 01/11/2000 giữa bên bán là ông Nguyễn A2 – bà Trương Thị Bạch B2 và bên mua là ông Nguyễn Xuân U – Hoàng Thị V, được Ủy ban nhân dân huyện T1, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 638/CN – HĐMB ngày 01/11/2000.

Trường hợp ông Diệp Minh J không thanh toán hoặc thanh toán không đủ, không đúng hạn khoản tiền vốn và lãi còn nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số 288/29 Khu phố R1, TT S1, huyện T1 (nay là Phường F1, quận B1) để thu hồi nợ.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31/10/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân U kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông U; việc áp dụng lãi suất của Ngân hàng là đúng quy định của Luật tổ chức tín dụng; tại thời điểm giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, giao dịch đảm bảo và thế chấp tài sản của ông U đúng quy định nên phát sinh hiệu lực, do đó trong trường hợp ông J không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; ông chỉ chịu trách nhiệm thế chấp tài sản tại thời điểm vay tiền. Và số tiền ông đảm bảo thực hiện nghĩa vụ chỉ có 1.100.000.000đ; không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp của ông.

Ông đang nộp hồ sơ cho cơ quan chức năng để xử lý ông J về hành vi bội tín, nên đề nghị chuyển hồ sơ để giải quyết hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thể hiện số tiền Ngân hàng giải ngân cho ông J là 1.200.000.000đ; ông U cho rằng chỉ đảm bảo cho khoản vay 1.100.000.000đ nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh;

Để đảm bảo khoản vay trên ông U, bà V đã ký thế chấp nhà đất tại 288/29 thị trấn S1, huyện T1 nay là 540/30 Đường X1, Phường F1, quận B1. Về hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm, phù hợp quy định nên yêu cầu không được phát mãi tài sản của ông U là không có căn cứ.

Ngoài ra ông U yêu cầu chuyển hồ sơ xử lý hình sự là không có cơ sở, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Yêu cầu kháng cáo của ông U không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đại diện viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ và đúng quy định.

Ông Trương Công G1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 với tư cách cá nhân và đại diện theo pháp luật của hai con là trẻ Trương Nhã I1 và trẻ Trương Nhã J1, bà H1 với tư cách là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Dịch vụ K1 đều đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; Người đại diện hợp pháp của bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Thu S, bà Hoàng Thị V, ông Nguyễn Văn C1, bà Lương Thị D1, bà Phan Thị Thanh O1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Xét đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân U:

Về mức lãi suất: Căn cứ Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng áp dụng mức lãi suất cho vay được công bố tại thời điểm điều chỉnh và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay đối với khách hàng là phù hợp;

Về số tiền giải ngân đối với việc đảm bảo: Căn cứ hợp đồng tín dụng 1403-LAV-201101012 ngày 11/11/2011, khế ước nhận nợ số 1403-LDS-201101704 ngày 11/11/2011, biên bản sửa đổi bổ sung ngày 04/01/2013 xác định số tiền vay là 1.200.000.000đ;

Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo khoản vay trên cho ông J, ông U và bà V đã đồng ý đưa tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 288/29, thị trấn S1, huyện T1 (Nay là 504/30 Đường X1, Phường F1, quận B1) theo giấy chứng nhận số 15021/99 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/12/1999, cập nhật biến động ngày 27/11/2000) và ký tên đầy đủ vào hợp đồng thế chấp. Như vậy, hợp đồng thế chấp đã được các bên xác lập, có hình thức, mục đích, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, tài sản thế chấp thuộc sở hữu riêng của bên thế chấp nên giao dịch dân sự có hiệu lực. Do đó nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo nếu bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Về yêu cầu cho rằng ông đã gửi yêu cầu xử lý hình sự đối với ông J về hành vi bội tín: Xét ông U không có tài liệu chứng cứ gì nộp cho toà án cấp sơ thẩm và phúc thẩm; đồng thời yêu cầu trên không thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp phúc thẩm.

Từ những nhận định trên, kháng cáo của ông Nguyễn Xuân U là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đối với các yêu cầu khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ nên vẫn giữ nguyên.

Đề nghị giữ nguyên bản án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của toà án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông U không được chấp nhận nên ông U phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông U, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 299, Điều 303, khoản 7 Điều 323, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao quy định;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân U.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 261/2022/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân U phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông

U đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0004853 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận E;
- Tòa án nhân dân Quận E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Như Hà